

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B1
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 tháng 9 năm 2022
V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B1**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B1 .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B1 tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y1 , sinh năm 1979.

Địa chỉ : Khu Dương Ổ, phường PK , thành phố B , tỉnh Bắc Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Thân Văn Ch1 , sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn PD , xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang.

(Chị Y1 , anh Ch1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị Y1 trình bày:
Chị và anh Thân Văn Ch1 được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức hôn lễ vào năm 1999, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới, chị và anh Ch1 về chung sống với nhau ngay tại huyện YP , tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Vợ chồng chung sống ở Bắc Giang được 3 tháng thì vợ chồng chuyển về thôn PD , xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang sinh sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Vì thế, chị đã bỏ về quê ở YP sinh sống, vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế từ đó đến nay. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Thân Văn Ch1 là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Thân Văn Ch1 có một con chung là cháu cháu Thân Trung Đ , sinh ngày 25/4/2000. Hiện nay, cháu Đ đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh Ch1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Thân Văn Ch1 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Y1 được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức hôn lễ vào năm 1999, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại huyện YP , tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Vợ chồng chung sống ở Bắc Giang được 3 tháng thì anh chị chuyển về thôn PĐ , xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang sinh sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì thế chị Y1 đã chuyển về quê ở huyện YP , tỉnh Bắc Ninh ở và vợ chồng sống ly thân từ đó, không còn quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Nay anh xác định tình cảm gì với chị Y1 , chị Y1 làm đơn yêu cầu không công nhận anh và chị Y1 là vợ chồng, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh Ch1 trình bày như lời trình bày của chị Y1 .

- Về tài sản chung; công nợ chung: Anh Ch1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Thành Đô - Cán bộ Hộ tịch Tư pháp phường PK , thành phố B , tỉnh Bắc Ninh cho biết: Qua kiểm tra tài liệu, sổ sách lưu trữ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công dân tại Ủy ban nhân dân phường PK , thành phố B , tỉnh Bắc Ninh từ thời gian năm 1999 đến tháng 8 năm 2022 không có trường hợp chị Nguyễn Thị Y1 , sinh năm 1979 và anh Thân Văn Ch1 , sinh năm 1975 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PK , thành phố B , tỉnh Bắc Ninh.

Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Trường - Cán bộ Hộ tịch Tư pháp Ủy ban nhân dân xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang cho biết: Qua kiểm tra tài liệu, sổ sách lưu trữ liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công dân tại Ủy ban nhân dân xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang từ thời gian năm 1999 đến tháng 8 năm 2022 không có trường hợp chị Nguyễn Thị Y1 , sinh năm 1979 và anh Thân Văn Ch1 , sinh năm 1975 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SM , thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Không công nhận chị Nguyễn Thị Y1 và anh Thân Văn Ch1 là vợ chồng.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Y1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

Bị đơn anh Thân Văn Ch1 có địa chỉ tại xã SM, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B1 theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Y1 đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án nhân dân thành phố B1 căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y1 và anh Ch1 đều thống nhất trình bày được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm kết hôn, chị Y1 và anh Ch1 có đủ điều kiện kết hôn, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật có hiệu lực tại thời điểm kết hôn). Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội không công nhận chị Nguyễn Thị Y1 và anh Thân Văn Ch1 là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị Y1 và anh Ch1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Y1 và anh Thân Văn Ch1 .

2. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Y1 phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Y1 đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai số 0001686 ngày 19/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B1 .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B1 ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS thành phố B1 ;
- UBND xã SM ,
- thành phố B1 , tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường PK , thành phố B , tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Đình Hưng